

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HS-PT

Ngày: 28-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du; Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2018/TLPT-HS ngày 18/5/2018 đối với các bị cáo Trần Hoài Q, Lê Mậu Ph do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HS-ST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trần Hoài Q**, sinh năm 1978 tại tỉnh Lâm Đồng. Nơi ĐKKHKT: Số 01 MĐC, phường 4, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Số 22 KNBS, phường 10, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Nhân viên điện lực; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Kỳ N, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Ng (đã chết). Vợ là Trương Thị Thanh Th, sinh năm 1985, có 01 con sinh năm 2011, hiện cư trú số 22 KNBS, phường 10, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Mậu Ph** (tên gọi khác: T), sinh năm 1968 tại tỉnh Lâm Đồng. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số 7 ĐT, phường 4, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu A (đã chết), con bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1928; Vợ là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1967; Có 02 người con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án này, còn có các người liên quan là Công ty điện lực Lâm Đồng; Ủy ban nhân dân phường 7; Ủy ban nhân dân phường 9; bà Nguyễn Thị

Thuận; anh Bùi Tiến Đoàn; chị Trương Thị Mỹ Diệu; bà Nguyễn Thị Mỹ Hương không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Q là nhân viên Chi nhánh Điện Đà Lạt, thuộc Công ty điện lực Lâm Đồng; còn bị cáo Ph là chủ cơ sở photocopy (số 28, đường BT, phường 3, thành phố Đà Lạt). Bị cáo Q nói với bị cáo Ph in màu giả con dấu của Ủy ban nhân dân (UBND) phường 9, thành phố Đà Lạt; UBND phường 7, thành phố Đà Lạt vào tờ “*Đơn xác nhận nhà ở của các hộ dân*”, sau đó bị cáo Q giả chữ ký của Chủ tịch UBND để làm thủ tục mắc điện sinh hoạt cho các hộ gia đình lấy tiền chia nhau tiêu xài, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 5-2017 bà Thuận đến Chi nhánh Điện Đà Lạt làm thủ tục mắc điện sinh hoạt tại địa chỉ hẻm 24A, đường Lữ Gia, phường 9, bà Thuận gặp bị cáo Q và được giới thiệu làm dịch vụ, nếu không tiện đi làm thì giao cho bị cáo Q làm thủ tục với tổng chi phí lắp đặt là 2.200.000đ thì bà Thuận đồng ý.

Do không có đơn xin xác nhận nhà ở, bị cáo Q lấy mẫu đơn xin xác nhận đánh sẵn nội dung, sau đó gửi hình ảnh mẫu dấu của UBND phường 9 cho bị cáo Ph, đưa mẫu đơn xin xác nhận nhà ở cho bị cáo Ph để in màu giả con dấu của UBND phường 9. Bị cáo Ph sử dụng máy in màu, in vào góc bên trái tờ đơn cụm từ gồm “*TM/UBND PHƯỜNG 9*” “*CHỦ TỊCH*” “*Võ Hồng Sơn*” và hình dấu của UBND phường 9, sau đó giao lại cho bị cáo Q; được bị cáo Q trả tiền công 100.000đ. Bị cáo Q giả chữ ký của Chủ tịch UBND phường 9 “*Võ Hồng Sơn*” vào giấy xác nhận nhà ở; sau đó làm thủ tục mắc điện cho bà Thuận.

Tại Kết luận giám định số 1183/QĐ-PC54 ngày 12-9-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Hình dấu tròn “UBND PHƯỜNG 9 TP. ĐÀ LẠT T. LÂM ĐỒNG”; Hình dấu “*TM/UBND PHƯỜNG 9, CHỦ TỊCH*”; Hình dấu tên “*Võ Hồng Sơn*”; chữ ký phía trên chữ dấu “*Võ Hồng Sơn*” không phải dấu của UBND phường 9, không phải chữ ký ông Sơn.

Lần 2: Anh Bùi Tiến Đoàn chủ sở hữu nhà số 32, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7 nhưng sử dụng chung điện, nước sinh hoạt; nên anh Đoàn muốn tách điện, nước sử dụng riêng. Do vậy, ngày 28-6-2017 anh Đoàn nhờ anh Quý nhân viên chi nhánh Điện lực Đà Lạt làm thủ tục và đưa anh Quý “*Đơn xin xác nhận nhà ở (chưa có xác nhận của UB phường)*”, đơn xin mắc điện để nhờ anh Quý nộp hồ sơ làm thủ tục mắc điện. Anh Quý đem hồ sơ đến phòng tiếp nhận khách hàng nộp hồ sơ cho anh Đoàn nhưng bị trả lại do “*Thiếu xác nhận của UBND phường 7*”, anh Quý gặp bị cáo Q và nói đang làm hồ sơ cho anh Đoàn nhưng bị trả lại vì thiếu xác nhận của UBND phường. Bị cáo Q nói với anh Quý “*Có quen UBND phường 7, để bị cáo Q làm giấy xác nhận nhà ở cho anh Đoàn*”, anh Quý đồng ý, đưa cho bị cáo Q đơn xin xác nhận nhà ở và số tiền 1.000.000đ. Bị cáo Q đưa cho bị cáo Ph “*Đơn xin xác nhận nhà ở, hình ảnh mẫu dấu của UBND phường 7*”, nói bị cáo Ph in màu giả con dấu UBND phường 7. Bị cáo Ph sử dụng máy in màu, in vào góc bên trái tờ đơn cụm từ “*TM.UBND PHƯỜNG*

7” “CHỦ TỊCH” “Phan Cảnh Thiện” và hình dấu của UBND phường 7 sau đó giao lại cho bị cáo Q; được bị cáo Q trả tiền công 100.000đ. Bị cáo Q giả chữ ký của Chủ tịch UBND phường 7 “Phan Cảnh Thiện” vào giấy xác nhận nhà ở; sau đó đưa lại đơn xin xác nhận nhà ở có chữ ký giả này cho anh Quý, anh Quý không biết giấy xác nhận giả, đưa vào hồ sơ để làm thủ tục mắc điện; đưa bản gốc cho anh Đoàn và nhận 5.000.000đ chi phí mắc điện. Sau khi xong thủ tục mắc điện, đến ngày 17-7-2017 anh Đoàn đem hồ sơ đến UBND phường 7 làm thủ tục mắc nước thì bị cán bộ UBND phường 7 phát hiện là giấy tờ giả; trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định số 1112/QĐ-PC54 ngày 24/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận chữ ký Phan Cảnh Thiện không phải do ông Thiện ký; Hình dấu có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG 7 T.P ĐÀ LẠT T. LÂM ĐỒNG”. Hình dấu tròn, dấu chức danh; dấu tên được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo Q 01 điện thoại di động hiệu Black Berry CE 0168; Thu giữ của bị cáo Ph 01 máy in màu hiệu EPSON Styles photo T50; 01 bộ máy vi tính để bàn (CPU; màn hình vi tính nhãn hiệu ViewSonic; bàn phím vi tính).

Tại Bản án số 43/2018/HS-ST ngày 12-4-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tuyên bố các bị cáo Trần Hoài Q; Lê Mậu Ph (T) phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999*);

Xử phạt bị cáo Trần Hoài Q 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Mậu Ph 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn giải quyết về vật chứng; về án phí, quyền kháng cáo các bị cáo, người liên quan theo quy định pháp luật.

Ngày 18/4/2018 các bị cáo Trần Hoài Q, bị cáo Lê Mậu Ph cùng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Các bị cáo khai nhận như Bản án sơ thẩm đã quy kết, không thắc mắc, khiếu nại gì về Bản án sơ thẩm. Bị cáo Q thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt; bị cáo Ph giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa chấp nhận kháng cáo; bị cáo Q xuất trình giấy nộp số tiền thu lợi 2.000.000đ; bị cáo Ph xuất trình giấy nộp số tiền thu lợi 200.000đ; tài liệu về bà Vàng (*mẹ bị cáo Ph*) là người có công với cách mạng, hiện đang thờ cúng liệt sỹ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận

kháng cáo của bị cáo Trần Hoài Q, giảm cho bị cáo Q 06 tháng tù; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Mậu Ph; giảm 06 tháng tù cho bị cáo Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ nhu cầu mắc điện sinh hoạt của các hộ dân, trong khi đó bị cáo Q công tác lại Chi nhánh Điện thành phố Đà Lạt; bị cáo Q yêu cầu bị cáo Ph thực hiện hành vi dùng máy vi tính, máy in màu “*Giả nội dung xác nhận, giả chữ ký, giả dấu tròn, dấu chức danh, dấu chứng thực của UBND phường 9, phường 7, thành phố Đà Lạt*” trên tài liệu “*Đơn xin xác nhận nhà ở của bà Thuận, ông Đoàn*” để làm thủ tục mắc điện sinh hoạt nhằm hưởng lợi. Khi ông Đoàn đến UBND phường 7 làm thủ tục mắc nước sinh hoạt thì bị phát hiện. Đối chiếu lời khai các bị cáo, kết luận giám định; cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Q, bị cáo Ph phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999, với các tình tiết tăng nặng định khung “*Phạm tội nhiều lần*” là có căn cứ.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, và thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm hại đến khách thể trật tự quản lý hành chính gây ảnh hưởng đến an toàn trật tự quản lý hành chính. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*”, quy định điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, đối chiếu với tài liệu chứng cứ xuất trình mới tại cấp phúc thẩm; thể hiện, bị cáo Q xuất trình biên lai nộp số tiền 2.000.000đ thu lợi bất chính, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đối với các tài liệu như giấy tờ bố bị cáo được kết nạp Hội Cựu chiến binh; xác nhận của Chi nhánh Điện lực về công việc, nhiệm vụ bị cáo thực hiện trước khi phạm tội không thuộc trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Ph xuất trình nộp số tiền thu lợi bất chính 200.000đ; tài liệu chứng minh bà Vàng (*mẹ bị cáo*) là người có công với cách mạng, hiện đang thờ cúng liệt sỹ An nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Q lợi dụng chức trách được Chi nhánh Điện thành phố Đà Lạt phân công, đồng thời bị cáo là người chủ mưu, chuyển hình ảnh mẫu dấu của UBND phường cho bị cáo Ph, đưa mẫu đơn xác nhận nhà ở cho bị cáo Ph để in màu hình ảnh mẫu dấu, dấu chức danh, dấu chứng thực của UBND phường 9, phường 7 thành phố Đà Lạt, sau đó bị cáo Q giả chữ ký của người có thẩm quyền; trong khi đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên với mức hình phạt cấp sơ

thẩm tuyên là có phần nghiêm khắc, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Đối với bị cáo Ph không bị áp dụng tình tiết tăng nặng; được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo Ph thực hiện vai trò đồng phạm, khi bị cáo Q yêu cầu thực hiện kỹ thuật vi tính để làm giả tài liệu. Do vậy, cần phân hóa vai trò của bị cáo Ph áp dụng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa loại tội phạm này.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, bị cáo Ph; sửa bản án sơ thẩm, Xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hoài Q; Lê Mậu Ph (T) phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Ph được áp dụng thêm Điều 17, 58, khoản 2 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Hoài Q 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Mậu Ph 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Mậu Ph cho Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo qui định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Trần Hoài Q, bị cáo Lê Mậu Ph không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT(I) – TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND cấp sơ thẩm;
- Chi cục THADS Đà Lạt;
- Cơ quan THAHS Đà Lạt;
- Cơ quan CSĐT Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA thành phố Đà Lạt (02)
- VKS thành phố Đà Lạt (1)
- Công an thành phố Đà Lạt (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1)
- Chi cục THADS Đà Lạt (1)
- Các bị cáo (*để thi hành*)
- Lưu hồ sơ; Ấn văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Đồng